

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con được gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Ngọc Đính	Thành viên
Ông Châu Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Phan Tấn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Võ Hùng	Giám đốc Tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



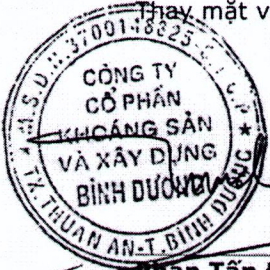
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cơ đồng, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con được gọi chung là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

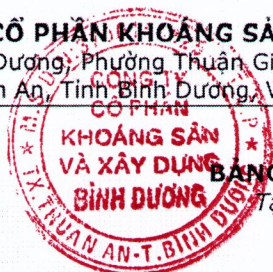
Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2110-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.750.319.133.371	693.264.287.788
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	125.292.059.071	316.146.668.225
1. Tiền	111		44.292.059.071	316.146.668.225
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	66.982.500.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	66.982.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.498.043.373.737	237.097.315.602
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	197.999.411.335	112.041.318.632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	503.833.519.426	13.669.475.350
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	30.000.000.000	30.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	796.784.945.826	87.369.435.667
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(30.883.572.750)	(5.982.914.047)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		309.069.900	-
IV. Hàng tồn kho	140		50.223.730.086	63.562.667.732
1. Hàng tồn kho	141	10	50.223.730.086	63.562.667.732
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.759.970.477	9.475.136.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	74.785.803.346	8.884.311.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.741.459	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	1.915.425.672	590.825.109
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.146.454.333.228	737.266.061.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.827.246.323	19.817.602.561
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.242.754.547	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	1.460.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	26.584.491.776	18.357.602.561
II. Tài sản cố định	220		200.290.214.918	143.758.199.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	100.327.937.744	142.719.388.397
- Nguyên giá	222		292.498.277.495	342.702.233.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.170.339.751)	(199.982.845.106)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	78.235.652.645	-
- Nguyên giá	225		83.384.228.306	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.148.575.661)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	21.726.624.529	1.038.811.080
- Nguyên giá	228		25.612.849.327	2.569.601.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.886.224.798)	(1.530.790.520)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	169.630.964.894	196.725.983.369
- Nguyên giá	231		239.691.630.107	239.691.630.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(70.060.665.213)	(42.965.646.738)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		412.719.033.815	170.198.087.963
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	412.719.033.815	170.198.087.963
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.964.042.534	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	32.964.042.534	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		303.022.830.744	206.766.188.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	219.341.765.260	200.738.842.612
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	9.469.142.718	6.027.345.918
3. Lợi thế thương mại	269	20	74.211.922.766	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.896.773.466.599	1.430.530.349.688



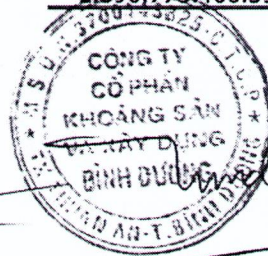


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.875.667.914.689	672.122.960.848
I. Nợ ngắn hạn	310		698.528.675.244	137.651.812.722
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	35.111.189.228	28.094.135.847
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.367.388.621	3.044.201.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	53.507.534.615	32.223.545.741
4. Phải trả người lao động	314		3.434.382.163	3.130.200.236
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.425.610.026	221.728.366
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	16.574.129.451	14.504.890.445
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	462.037.971.368	15.772.332.224
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	72.478.123.248	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.592.346.524	40.660.778.613
II. Nợ dài hạn	330		1.177.139.239.445	534.471.148.126
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		15.000.000.000	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	589.384.992.749	504.310.957.598
3. Phải trả dài hạn khác	337	23	1.056.668.326	23.460.938
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	540.346.187.980	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	31.351.390.390	30.136.729.590
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.021.105.551.910	758.407.388.840
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	1.021.105.551.910	758.407.388.840
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		537.798.820.000	468.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		537.798.820.000	468.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.658.500	1.658.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.401.876.673	45.617.301.943
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		411.380.389.388	244.788.428.397
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		160.549.608.397	82.627.882.201
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		250.830.780.991	162.160.546.196
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.522.807.349	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.896.773.466.599	1.430.530.349.688



[Signature]

Lương Trọng Tín
Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng

[Signature]

Phan Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

11/1
CH
C
CH
DE
VI
/

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**MẪU SỐ B 02-DN/HN**Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao
Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt NamBan hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.169.733.459.712		1.098.763.174.872	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		740.484.485		4.700.751.100	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	1.168.992.975.227		1.094.062.423.772	
4. Giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	598.445.729.235		659.888.003.375	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		570.547.245.992		434.174.420.397	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	21.516.616.875		15.190.692.443	
7. Chi phí tài chính	22		30.368.962.915		-	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.293.491.910		-	
8. Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(2.035.957.466)		-	
9. Chi phí bán hàng	25	34	74.380.059.773		60.474.015.399	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	84.061.509.254		47.200.098.763	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		401.217.373.459		341.690.998.678	
12. Thu nhập khác	31		25.332.738.373		13.528.111.076	
13. Chi phí khác	32		17.544.051.747		7.980.691.599	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.788.686.626		5.547.419.477	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		409.006.060.085		347.238.418.155	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	85.231.685.120		69.992.264.165	
17. Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	19	(3.441.796.800)		37.576.260	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		327.216.171.765		277.208.577.730	
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		327.143.364.416		277.208.577.730	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		72.807.349		-	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	5.454		4.577	

Lương Trọng Tín
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởngPhan Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

 20-
HÁI
G T
MH
IT
N
H



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	409.006.060.085	347.238.418.155
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	49.634.759.945	25.183.608.240
Các khoản dự phòng	03	26.115.319.503	4.193.901.588
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(410.366)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.552.014.087)	(18.819.055.984)
Chi phí lãi vay	06	30.293.491.910	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	495.497.206.990	357.796.871.999
Thay đổi các khoản phải thu	09	(160.637.562.140)	(43.385.047.195)
Thay đổi hàng tồn kho	10	13.610.940.772	(15.029.279.044)
Thay đổi các khoản phải trả	11	553.593.911.187	304.396.318.354
Thay đổi chi phí trả trước	12	(62.371.170.222)	(54.685.412.180)
Tiền lãi vay đã trả	14	(28.850.464.875)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.414.983.668)	(76.628.823.046)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(44.507.373.905)	(61.796.173.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	703.920.504.139	410.668.455.442
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(791.593.571.291)	(150.994.819.847)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định, tài sản dài hạn khác	22	5.229.035.520	4.617.310.817
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(66.982.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	68.442.500.000	80.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(769.545.210.563)	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi	27	14.878.538.947	15.736.555.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.472.588.707.387)	(117.623.453.105)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.450.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	684.242.287.723	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.425.971.073)	-
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(5.013.132.922)	-
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(37.440.000.000)	(56.160.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	577.813.183.728	(56.160.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(190.855.019.520)	236.885.002.337
Tiền đầu năm	60	316.146.668.225	79.261.665.888
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	410.366	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	125.029.059.071	316.146.668.225

Lương Trọng Tín
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Tâm
Kế toán trưởng

Phan Tân Đạt
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2019